

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào
vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 37/NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 2721/TTr-BNN-HTX ngày 03 tháng 10 năm 2007, công văn số 25/BNN-HTX ngày 04 tháng 01 năm 2008, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 894/BKH-TĐ&GĐT ngày 12 tháng 02 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2015 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi quy hoạch

Phạm vi quy hoạch gồm 81 xã biên giới Việt - Lào của 19 huyện thuộc các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn La và Điện Biên, trong đó:

- Tỉnh Điện Biên 22 xã thuộc 3 huyện: Mường Nhé (7 xã), Mường Chà (6 xã) và Điện Biên (9 xã).

- Tỉnh Sơn La 17 xã thuộc 5 huyện: Sốp Cộp (4 xã), Sông Mã (4 xã), Mộc Châu (4 xã), Mai Sơn (1 xã), Yên Châu (4 xã).

- Tỉnh Thanh Hóa 15 xã thuộc 5 huyện: Mường Lát (6 xã), Quan Hóa (1 xã), Quan Sơn (6 xã), Lang Chánh (1 xã), Thường Xuân (1 xã).

- Tỉnh Nghệ An 27 xã thuộc 6 huyện: Quế Phong (4 xã), Tương Dương (4 xã), Kỳ Sơn (11 xã), Con Cuông (2 xã), Anh Sơn (1 xã), Thanh Chương (5 xã).

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: đến năm 2015 cơ bản bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ để khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc, khắc phục tình trạng di cư tự do, đồng thời bảo vệ vững chắc an ninh biên giới.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Bố trí ổn định tại chỗ 35.384 hộ thuộc diện nghèo trong các xã biên giới ; bố trí sắp xếp ổn định 6.847 hộ, bao gồm: xen ghép vào thôn, bản sở tại 1.951 hộ, di dân tái định cư tập trung 4.896 hộ;

- Khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 14.300 ha, trong đó có 1.740 ha ruộng lúa nước và ruộng bậc thang;

- Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, bao gồm: đường giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt và các công trình công cộng nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất cho nhân dân tại các thôn, bản;

- Về đời sống dân cư: bình quân lương thực cây có hạt đạt trên 330 kg/ người; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 53% xuống còn 20%; tỷ lệ hộ dùng nước sạch 60 - 80%; tỷ lệ hộ dùng điện 60%; 100% số xã được phủ sóng phát thanh truyền hình và 100% số thôn có điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng, 100% số dân được chăm lo sức khỏe, khám và chữa bệnh.

3. Định hướng Quy hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Quy hoạch bố trí ổn định dân cư dọc tuyến biên giới

- Bố trí ổn định tại chỗ 35.384 hộ với 191.608 khẩu thuộc diện hộ nghèo;

- Bố trí ổn định 6.847 hộ theo hình thức xen ghép với điểm dân cư sở tại hoặc đến điểm dân cư mới, bao gồm: 3.927 hộ thiếu đất sản xuất, nước sinh hoạt; 1.242 hộ vùng có nguy cơ bị sạt lở, lũ quét; 145 hộ vùng rừng đặc dụng, phòng hộ; 764 hộ dân dân tách hộ; 475 hộ do nhu cầu quốc phòng; 159 hộ thuộc diện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình giao thông, thủy lợi và 135 hộ do nhu cầu khác;

- Ngoài số hộ nêu trên, trong vùng quy hoạch còn bố trí khoảng 3.923 hộ thuộc diện tái định cư các công trình thủy điện, thủy lợi.

b) Phát triển nông lâm nghiệp và ngành nghề nông thôn

- Bố trí sản xuất nông nghiệp: diện tích cây có hạt 42.700 ha, bình quân lương thực trên 330 kg/người; trồng 2.100 ha cây ăn quả, 4.700 ha cây công nghiệp dài ngày, 4.500 ha cây công nghiệp ngắn ngày; phát triển chăn nuôi đàn trâu 91.400 con, đàn bò 89.500 con, đàn lợn 323.800 con, gia cầm trên 1.500.000 con, ngựa, dê 29.600 con;

- Bố trí phát triển sản xuất lâm nghiệp: khoanh nuôi tái sinh rừng 21.700 ha, trồng mới rừng 11.450 ha; tỉ lệ che phủ rừng đạt 55%;

- Phát triển ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ: khuyến khích phát triển nghề rèn, đúc, dệt vải thổ cẩm, chạm khắc gỗ; xây dựng chợ đường biên; xây dựng các cửa khẩu quốc tế: Nậm Cắn, Chiềng Khương, Nam Mèo; đầu tư tôn tạo, trùng tu các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh để phát triển ngành du lịch.

c) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

- Hệ thống đường giao thông: xây dựng mới 1.675 km, nâng cấp 442 km đường liên thôn, liên bản;

- Hệ thống thủy lợi: xây dựng 380 công trình thủy lợi, 394 km kênh mương phục vụ tưới 4.844 ha;

- Cơ sở hạ tầng cộng đồng: xây dựng mới 44.180 m² trường học, 48 trạm xá, phòng phát thuốc với tổng diện tích khoảng 3.400 m²; 39.300 m² nhà văn hóa, trụ sở thôn, bản với 530 công trình; 20 chợ đường biên với diện tích khoảng 8.000 m²; 350 công trình nước sinh hoạt, cấp nước cho trên 12.300 hộ; xây dựng 5 trạm truyền hình tại các xã thuộc tỉnh Điện Biên; xây dựng 174 trạm biến áp, 1.975,5 km đường dây 0,4 KV và 145 máy phát điện nhỏ.

4. Các giải pháp thực hiện

a) Chính sách hỗ trợ ổn định dân cư phát triển sản xuất

Chính sách hỗ trợ ổn định dân cư phát triển sản xuất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế - xã hội các xã tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia đến năm 2010 và các chính sách hiện hành khác có liên quan.

b) Khoa học công nghệ

- Cung ứng giống cây trồng và vật nuôi cho sản xuất, chú trọng ưu tiên giống có lợi thế xuất khẩu.